TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HS-PT
Ngày 26 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các thẩm phán: Ông Dương Văn Bản.

Bà Trần Thị Nhài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2024/TLPT-HS ngày 07/3/2024 do có kháng cáo của bị cáo Hà Xuân T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**** Bị cáo có kháng cáo***:

Họ và tên: Hà Xuân T, sinh năm 1980; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm T, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: H S và con bà: Đặng Thị T1; có vợ là Vũ Thị X; có 02 con chung (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, trước đó không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào, được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

**** Ngoài ra còn có người bị hại là bà*** *Triệu Thị T2* ***và ông*** *Lã Văn S1* ***không kháng cáo, Toà án không triệu tập.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02/11/2023, Hà Xuân T điều khiển xe mô tô BKS: 20F1-700.72 đăng ký mang tên Hà Xuân T đi từ nhà đến nhà anh Vũ Văn H, sinh năm 1988, trú tại: xóm T, xã Đ, huyện Đ (là em của vợ T) để lắp hộ đường ống nước tưới chè cho gia đình anh H, buổi trưa T ăn cơm và nghỉ ngơi tại nhà anh H. Buổi chiều T tiếp tục hộ anh H lắp đường ống nước. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, T đi từ bãi chè sang nhà ông Lã Văn S1, sinh năm 1972, trú tại: xóm T, xã Đ, huyện Đ (ở cạnh bãi chè nhà anh H và là chú vợ của T) để uống nước. Tại đây, T hỏi vay tiền ông S1 khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng thì ông S1 nói nhà có tiền và bảo Toàn tối quay lại hỏi vay vợ ông S1 là bà Triệu Thị T2, sinh năm 1969. T ngồi uống nước, khoảng 15 phút sau T quay lại bãi chè nhà anh H tiếp tục làm việc.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang ngồi nghỉ tại bãi chè nhà anh H gần sân nhà ông S1 thì thấy ông S1 điều khiển xe mô tô đi ra khỏi nhà. Do không có tiền tiêu xài và nhà ông S1 không còn ai ở nhà nên T đã nảy sinh ý định vào nhà ông S1 trộm cắp tài sản. T đi vào sân nhà ông S1 nhặt một con dao quắm có chuôi bằng gỗ, dài 68,4cm để ở bờ sân, T cầm con dao đi đến cửa nhà chính thì thấy cửa nhà đóng nhưng không khóa nên T mở cửa nhà đi vào trong phòng khách. Tại phòng khách T thấy có kê 01 chiếc tủ gỗ ba ngăn, T dùng mũi dao cạy cánh tủ bên phải ra thì thấy bên trong không có tài sản gì, T tiếp tục dùng dao cạy cánh tủ bên trái nhưng không cạy được nên T cầm con dao đi ra ngoài cửa và để dao tại hè trước cửa nhà. Lúc này T nhớ ra nhà ông S1 còn một phòng ngủ nữa nên T quay lại phòng khách, mở cửa phòng ngủ và đi vào bên trong thì thấy ở góc bên phải phòng ngủ có kê một chiếc tủ bằng nhôm kính, ngăn cửa tủ phía trên bên trái có khoá còn các ngăn tủ khác không khoá. T dùng tay giật mạnh cánh cửa tủ thì cánh tủ bung ra, phần khuy khóa bị cong vênh. T thấy trong ngăn tủ bên trái này có treo nhiều quần áo khác nhau, T dùng tay sờ, nắn các túi quần, áo trong tủ thì thấy trong túi áo ngực bên trái của một chiếc áo khoác nam giới màu trắng có để tiền. T lấy hết tiền trong túi áo ra thì thấy có hai tập tiền Ngân hàng N, một tập tiền gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; một tập tiền khác được buộc bằng dây nịt màu đỏ, tập tiền này có 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. T lấy số tiền trên cất vào túi áo ngực bên trái đang mặc rồi đi ra bãi chè nhà anh H tiếp tục làm việc. Khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, T điều khiển xe mô tô về nhà mình. Khi về đến nhà, T dựng xe ở sân rồi đi lấy 01 chiếc cuốc và mang toàn bộ số tiền vừa trộm cắp được của nhà ông S1 đi ra bãi chè của nhà mình cách sân nhà khoảng 30m. T dùng cuốc đào đất tại bãi chè thành hố và bọc toàn bộ số tiền đã trộm cắp được vào 01 chiếc túi nilon màu trắng, loại túi hai quai; sau đó T chôn bọc tiền xuống hố đất rồi về nhà sinh hoạt bình thường.

Đến khoảng 17 giờ 20 phút ngày 02/11/2023, bà Triệu Thị T2 đi làm về thấy cánh tủ nhôm kính trong phòng ngủ bị mở, bà T2 kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền khoảng 18.000.000 đồng nên đã làm đơn trình báo đến Công an xã Đ đề nghị giải quyết.

Tiến hành kiểm tra truy xét đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Tổ công tác Công an xã Đ đến nhà Hà Xuân T làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi

trộm cắp tài sản và vị trí giấu số tiền trộm cắp được. Qua kiểm đếm xác định tổng số tiền T trộm cắp của gia đình ông S1 là 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng N (trong đó gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng và 37 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng). Tổ công tác Công an xã Đ đã tiến hành thu giữ và niêm phong số tiền theo quy định. Công an xã Đ đã chuyển toàn bộ hồ sơ, đối tượng cùng vật chứng đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan CSĐT, Hà Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án gồm:

+ 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng), Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại số tiền trên cho bà Triệu Thị T2 quản lý, sử dụng.

+ 01 con dao chuôi bằng gỗ, dài 68,4cm, phần cán dao dài 31cm, phần lưỡi dao bản rộng nhất là 4,2cm, mũi dao bị cong vênh, được niêm phong trong hộp catton ký hiệu D1; 01 áo khoác màu trắng, trên ngực áo có dòng chữ "INXXSPORTS", bên trong ngực áo trái có 01 túi không có khoá, miệng túi rộng 13cm, túi sâu 16cm, được niêm phong trong hộp catton ký hiệu AK; 01 chiếc cuốc cán bằng tre, dài 1,17cm, phần lưỡi cuốc rộng 6,4cm, dài 24cm, phần lưỡi cuốc có bám dính bùn đất; 02 túi nilon màu trắng, có hai quai xách, bị rách nham nhở, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đ thu giữ khi khám nghiệm hiện trường.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Triệu Thị T2 và ông Lã Văn S1 đã nhận lại đầy đủ số tiền 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) bị trộm cắp và không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-ĐT ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố Hà Xuân Toàn về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 05/2/2024, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố: Bị cáo Hà Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Xuân T **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 15/2/2024, bị cáo Hà Xuân T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Hà Xuân T thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan nhưng bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Toà án sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc. Bị cáo thấy việc làm của mình là sai và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất của vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị hội đồng xét xử:

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo xác định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Hà Xuân T, xử phạt bị cáo **6** (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/11/2023, lợi dụng gia đình bà Triệu Thị T2 và ông Lã Văn S1 thuộc xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sơ hở trong việc quản lý tài sản, Hà Xuân T đã thực hiện hành vi đột nhập vào trong nhà bà T2, cậy phá tủ trộm cắp số tiền 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng N.

Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hà Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết để răn đe và phòng ngừa chung.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị

cáo, Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, số tiền bị cáo trộm cắp tuy không lớn (18.600.000đ), nhưng theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: bị cáo là người ham mê cờ bạc, do đánh bạc bằng hình thức "TÀI SỈU" trên mạng xã hội dẫn đến nợ nần nhiều nơi nên để có tiền phục vụ cho đam mê cờ bạc và sở thích của cá nhân bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội với chính những người thân quen của mình, bất chấp cả đạo đức và pháp luật. Do vậy, bản án hình sự sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hà Xuân T **06** (Sáu) tháng tù là là phù hợp, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

[5]. *Về án phí*: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hà Xuân T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 05/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Xuân T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Hà Xuân T **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hà Xuân T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đai Từ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện Đai Từ;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đai Từ;
- Công an huyện Đai Từ;
- Bị cáo, bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Mạnh Toàn